

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỐ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BÁO CHÍ ĐỢT 5 NĂM 2026

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ quản lý nhà nước về báo chí đợt 5 năm 2026 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 3602-QĐ/HVBC TT-ĐT ngày 02 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ quản lý nhà nước về báo chí.

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 22/8/2026 đến ngày 19/9/2026.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Nguyễn Văn Cường	01.12.1988	Hà Nội	Nam	Kinh	001088048104	HBT/BD 007064	NVQLNNBC5/2026.01	
2	Nguyễn Văn Đại	19.11.1980	Hải Phòng	Nam	Kinh	031080004446	HBT/BD 007065	NVQLNNBC5/2026.02	
3	Trần Lâm Đồng	21.10.1973	Phú Thọ	Nam	Kinh	017073000027	HBT/BD 007067	NVQLNNBC5/2026.03	
4	Vũ Văn Dũng	30.8.1977	Phú Thọ	Nam	Kinh	025077000079	HBT/BD 007066	NVQLNNBC5/2026.04	
5	Đào Văn Dương	17.3.1984	Bắc Ninh	Nam	Kinh	027084000508	HBT/BD 007068	NVQLNNBC5/2026.05	
6	Hoàng Vĩnh Giang	15.10.1982	Phú Thọ	Nam	Kinh	001082049248	HBT/BD 007069	NVQLNNBC5/2026.06	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
7	Lê Thu Hà	31.01.1987	Hà Nội	Nữ	Kinh	001187011608	HBT/BD 007070	NVQLNNBC5/2026.07	
8	Đào Thị Thanh Hà	16.12.1986	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	022186000046	HBT/BD 007071	NVQLNNBC5/2026.08	
9	Hà Thanh Hải	10.5.1969	Hải Phòng	Nam	Kinh	031069029435	HBT/BD 007072	NVQLNNBC5/2026.09	
10	Bùi Thị Thu Hằng	05.8.1977	Hải Phòng	Nữ	Kinh	030177007779	HBT/BD 007073	NVQLNNBC5/2026.10	
11	Nguyễn Thị Hiền	31.7.1985	Nghệ An	Nữ	Kinh	040185000315	HBT/BD 007074	NVQLNNBC5/2026.11	
12	Lê Ngọc Hòa	01.3.1999	Thanh Hóa	Nam	Kinh	038099004093	HBT/BD 007075	NVQLNNBC5/2026.12	
13	Hoàng Thị Hoan	16.9.1978	Hải Phòng	Nữ	Kinh	031178013962	HBT/BD 007076	NVQLNNBC5/2026.13	
14	Lê Huy Hoàng	26.9.1990	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	079090015474	HBT/BD 007077	NVQLNNBC5/2026.14	
15	Trần Thị Minh Huệ	16.4.1976	Hưng Yên	Nữ	Kinh	034176003530	HBT/BD 007078	NVQLNNBC5/2026.15	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
16	Đào Thị Huệ	24.01.1987	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	027187002885	HBT/BD 007079	NVQLNNBC5/2026.16	
17	An Như Hưng	30.5.1987	Gia Lai	Nam	Kinh	052087017611	HBT/BD 007080	NVQLNNBC5/2026.17	
18	Nguyễn Việt Hưng	07.01.1993	Hà Nội	Nam	Kinh	001093039263	HBT/BD 007081	NVQLNNBC5/2026.18	
19	Nguyễn Thị Anh Khuyên	03.9.1978	An Giang	Nữ	Kinh	091178000367	HBT/BD 007082	NVQLNNBC5/2026.19	
20	Nguyễn Tùng Lâm	12.10.1982	Quảng Ninh	Nam	Kinh	022082010769	HBT/BD 007083	NVQLNNBC5/2026.20	
21	Nguyễn Mai Lan	26.10.1976	Lào Cai	Nữ	Kinh	010176000031	HBT/BD 007084	NVQLNNBC5/2026.21	
22	Hoàng Thế Linh	23.02.1981	Quảng Trị	Nam	Kinh	044081000004	HBT/BD 007085	NVQLNNBC5/2026.22	
23	Trần Văn Lưu	02.02.1981	Hà Nội	Nam	Kinh	001081034743	HBT/BD 007086	NVQLNNBC5/2026.23	
24	Lương Thị Minh Lý	09.9.1976	Hải Phòng	Nữ	Kinh	031176002604	HBT/BD 007087	NVQLNNBC5/2026.24	
25	Đoàn Văn Mật	10.02.1980	Ninh Bình	Nam	Kinh	036080018379	HBT/BD 007088	NVQLNNBC5/2026.25	
26	Lê Huy Nam	26.5.1973	Ninh Bình	Nam	Kinh	001073031872	HBT/BD 007089	NVQLNNBC5/2026.26	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
27	Hà Hồng Phúc	07.5.1970	Phú Thọ	Nam	Kinh	025070000231	HBT/BD 007090	NVQLNNBC5/2026.27	
28	Hồ Nhân Tâm	15.5.1983	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	042083026969	HBT/BD 007091	NVQLNNBC5/2026.28	
29	Thái Mạnh Thắng	13.7.1984	Hà Nội	Nam	Kinh	001084039364	HBT/BD 007092	NVQLNNBC5/2026.29	
30	Nguyễn Trung Thành	24.3.1980	An Giang	Nam	Kinh	089080000522	HBT/BD 007093	NVQLNNBC5/2026.30	
31	Lê Trung Thành	10.11.1980	Phú Thọ	Nam	Kinh	026080003008	HBT/BD 007094	NVQLNNBC5/2026.31	
32	Nguyễn Văn Thế	17.6.1985	Hung Yên	Nam	Kinh	034085023490	HBT/BD 007095	NVQLNNBC5/2026.32	
33	Hoàng Thị Thơm	18.9.1990	Ninh Bình	Nữ	Kinh	036190012938	HBT/BD 007096	NVQLNNBC5/2026.33	
34	Nguyễn Như Thường	07.5.1972	Ninh Bình	Nam	Kinh	036072030933	HBT/BD 007097	NVQLNNBC5/2026.34	
35	Nguyễn Ngọc Thụy	29.12.1985	Ninh Bình	Nam	Kinh	036085028168	HBT/BD 007098	NVQLNNBC5/2026.35	
36	Mai Xuân Trường	29.10.1973	Thái Nguyên	Nam	Kinh	019073013303	HBT/BD 007099	NVQLNNBC5/2026.36	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
37	Nông Thanh Tuấn	20.6.1975	Bắc Ninh	Nam	Tày	024075008642	HBT/BD 007100	NVQLNNBC5/2026.37	
38	Vũ Văn Ủy	16.01.1979	Hải Phòng	Nam	Kinh	030079009546	HBT/BD 007101	NVQLNNBC5/2026.38	
39	Trần Văn Vương	10.10.1994	Thanh Hóa	Nam	Kinh	038094020775	HBT/BD 007102	NVQLNNBC5/2026.39	
40	Nguyễn Tân Ý	10.8.1988	Lâm Đồng	Nam	Kinh	060088011756	HBT/BD 007103	NVQLNNBC5/2026.40	
41	Đỗ Hải Yến	10.9.1992	Hà Nội	Nữ	Kinh	020192000457	HBT/BD 007104	NVQLNNBC5/2026.41	

Tổng số: 41 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2026

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang